

PHỤ LỤC 01

Kinh phí chi trả cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã
theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ năm 2025 - Đợt 4
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)

TT	Phường Đức Phổ	Kinh phí chi trả (đồng)	Nguồn kinh phí chi trả từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh (đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
	TỔNG CỘNG	6.201.292.500	6.201.292.500
1	Phòng Văn hoá - Xã hội phường Đức Phổ (Mã số QHNS: 1159242, chương 832, loại 340, nguồn 15)	6.201.292.500	6.201.292.500

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

Phê duyệt danh sách và kinh phí chi trả cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã
theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ năm 2025 - Đợt 4
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/ NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng)	Trong đó		Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)			
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tỉnh hỗ trợ			Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHDKC T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20
*	PHÒNG VĂN HOÁ - XÃ HỘI PHƯỜNG ĐỨC PHỐ														6.201.292.500	4.324.320.000	1.571.602.500	305.370.000
1	Vương Quang Việt	17/10/1997	Đại học	Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở phường Phố Ninh	Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở phường Phố Ninh	2,34	1,50	0,84	01/10/2023	01/07/2025	01 năm 9 tháng	01 năm 9 tháng		34 năm 4 tháng	80.028.000	58.968.000	10.530.000	10.530.000
2	Dương Thị Ngọc Hậu	03/9/2000	Đại học	Phó Bí Thư Đoàn thanh niên phường Phố Ninh	Phó Bí Thư Đoàn thanh niên phường Phố Ninh	2,34	1,50	0,84	14/12/2022	01/07/2025	02 năm 6 tháng	02 năm 6 tháng		35 năm 3 tháng	107.932.500	84.240.000	13.162.500	10.530.000

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/ NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng)	Trong đó		Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)			
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Truong	Mức phụ cấp do tỉnh hỗ trợ			Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHĐKC T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20
3	Nguyễn Sanh	29/07/1988	Cao đẳng	Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa xã Phổ Ninh	Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa xã Phổ Ninh	2,10	1,50	0,60	30/12/2020	01/07/2025	4 năm 6 tháng	4 năm 6 tháng		25 năm 11 tháng	185.854.500	151.632.000	23.692.500	10.530.000
4	Huỳnh Minh Trãi	01/5/1978	Trung cấp	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân xã Phổ Ninh	Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận hoặc Tổ chức- Tuyên giáo - Dân vận/UBND phường Phổ Ninh	1,86	1,50	0,36	01/10/2010	01/07/2025	14 năm 9 tháng	14 năm 9 tháng		14 năm 10 tháng	257.985.000	168.480.000	78.975.000	10.530.000
5	Nguyễn Văn Công	09/02/1988	Đại học	Phó Chi huy trưởng Quân sự UBND xã Phổ Ninh	Phó Chủ tịch UBND xã Phổ Ninh	2,34	1,50	0,84	01/09/2011	01/07/2025	13 năm 10 tháng	13 năm 10 tháng		24 năm 8 tháng	252.720.000	168.480.000	73.710.000	10.530.000
6	Nguyễn Thị Ly Na	03/11/1991	Trung cấp	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ	1,86	1,50	0,36	01/10/2011	01/07/2025	13 năm 9 tháng	13 năm 9 tháng		26 năm 5 tháng	252.720.000	168.480.000	73.710.000	10.530.000

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng))	Trong đó		Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)			
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tỉnh hỗ trợ			Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHĐKC T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20
7	Nguyễn Thị Thuý Linh	17/06/1986	Đại học	Công an viên thường trực	Văn hóa, thể dục, thể thao - CTXH, DS, bảo vệ trẻ em	2,34	1,50	0,84	01/11/2013	01/07/2025	11 năm 8 tháng	11 năm 8 tháng		21 năm 0 tháng	242.190.000	168.480.000	63.180.000	10.530.000
8	Lê Thị Mỹ Nữ	18/4/1990	Đại học	Nội vụ - Thi đua - Công đoàn	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	2,34	1,50	0,84	01/3/2013	01/07/2025	11 năm 8 tháng	11 năm 8 tháng		24 năm 10 tháng	242.190.000	168.480.000	63.180.000	10.530.000
9	Hồ Tư	20/8/1963		Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,50	1,50		24/12/2002	01/07/2025	22 năm 6 tháng	22 năm 6 tháng			52.650.000	52.650.000		
10	Nguyễn Quốc Phương	20/9/1986	Đại học	Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở	Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở	2,34	1,50	0,84	01/02/2011	01/07/2025	14 năm 5 tháng	14 năm 5 tháng		23 năm 3 tháng	255.352.500	168.480.000	76.342.500	10.530.000
11	Huỳnh Chí Vương	25/7/1992	Trung cấp	Công an viên thường trực	Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hoá	1,86	1,50	0,36	30/8/2017	01/07/2025	07 năm 01 tháng	07 năm 01 tháng		29 năm 01 tháng	218.497.500	168.480.000	39.487.500	10.530.000

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/ NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng)	Trong đó		Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)			
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tỉnh hỗ trợ			Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHĐKC T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20
12	Phạm Thị Thanh Phương	25/10/1994	Đại học	Phó Bí Thư Đoàn thanh niên	Phó Bí Thư Đoàn thanh niên	2,34	1,50	0,84	10/03/2017	01/07/2025	8 năm 03 tháng	8 năm 03 tháng		29 năm 4 tháng	223.762.500	168.480.000	44.752.500	10.530.000
13	Huỳnh Thị Bích Liễu	10/9/1970		Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1,50	1,50		20/3/2006	01/07/2025	19 năm 3 tháng	19 năm 3 tháng		02 năm 11 tháng	211.477.500	98.280.000	102.667.500	10.530.000
14	Nguyễn Đức Dư	20/5/1969	Trung cấp	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1,50	1,50		09/8/2012	01/07/2025	12 năm 10 tháng	12 năm 10 tháng		5 năm 11 tháng	247.455.000	168.480.000	68.445.000	10.530.000
15	Huỳnh Quang Toàn	02-02-1958		Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,86	1,50	0,36	27/3/2017	01/07/2025	01 năm 3 tháng	01 năm 3 tháng			52.650.000	52.650.000		
16	Nguyễn Thị Tuyết Sương	24/10/1997	Đại học	Văn phòng ĐU-TC-KT-TG-DV	Tổ chức - Văn phòng Đăng uỷ	2,34	1,50	0,84	18/7/2022	01/07/2025	02 năm 11 tháng	02 năm 11 tháng		32 năm 4 tháng	124.605.000	98.280.000	15.795.000	10.530.000
17	Trần Thị Minh Nguyệt	08/11/1991	Thạc sĩ	Lao động - Thương binh và xã hội - Dân số - Gia đình và trẻ em	Văn hóa, thể dục, thể thao - CTXH, DS, bảo vệ trẻ em	2,34	1,50	0,84	01/10/2015	01/07/2025	9 năm 9 tháng	9 năm 9 tháng		26 năm 5 tháng	231.660.000	168.480.000	52.650.000	10.530.000

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/ NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng)	Trong đó		Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)			
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tỉnh hỗ trợ			Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHĐKC T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20
18	Lê Thị Trúc Thanh	20/10/1987	Đại học	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ	2,34	1,50	0,84	13/10/2022	01/07/2025	02 năm 8 tháng	02 năm 8 tháng		22 năm 4 tháng	116.181.000	89.856.000	15.795.000	10.530.000
19	Tô Văn Phú	18/11/1991	Cao đẳng	ĐTT, Quản lý nhà văn hoá	ĐTT, Quản lý nhà văn hoá	2,10	1,50	0,60	01/6/2016	01/07/2025	9 năm 01 tháng	9 năm 01 tháng		28 năm 5 tháng	229.027.500	168.480.000	50.017.500	10.530.000
20	Lê Tấn Sĩ	26/12/1980		Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,50	1,50		16/4/2012	01/07/2025	13 năm 02 tháng	13 năm 02 tháng		17 năm 6 tháng	250.087.500	168.480.000	71.077.500	10.530.000
21	Nguyễn Hùng Vương	11/12/1996	Đại học	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Phó Bí Thư Đoàn thanh niên	2,34	1,50	0,84	01/8/2023	01/07/2025	01 năm 10 tháng	01 năm 10 tháng		33 năm 6 tháng	82.836.000	61.776.000	10.530.000	10.530.000
22	Huỳnh Thị Kim Nương	14/4/1983	Đại học	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	2,34	1,50	0,84	01/3/2012	01/07/2025	13 năm 4 tháng	13 năm 4 tháng		17 năm 10 tháng	250.087.500	168.480.000	71.077.500	10.530.000
23	Huỳnh Văn Hải	26/3/1963		Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận	Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận	1,50	1,50		27/5/2000	01/07/2025	25 năm 01 tháng	25 năm 01 tháng			52.650.000	52.650.000		
24	Nguyễn Duy Phước	6/6/1972	Trung cấp	Trưởng Ban Thú y chăn nuôi	Giao thông - Thuỷ lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở	2,21	1,50	0,71	01/5/2010	01/07/2025	15 năm 01 tháng	15 năm 01 tháng		9 năm 0 tháng	260.617.500	168.480.000	81.607.500	10.530.000

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/ NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng)	Trong đó		Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)			
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trun g ương	Mức phụ cấp do tỉnh hỗ trợ			Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHĐKC T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20
25	Trần Bình	20/7/1967		Cán bộ truyền thanh xã	Cán bộ Đài truyền hình - Quản lý Nhà văn hoá phường	1,85	1,50	0,35	19/01/2007	01/07/2025	18 năm 5 tháng	18 năm 5 tháng		4 năm 01 tháng	245.524.500	137.592.000	97.402.500	10.530.000
26	Trần Thị Tuyết Trâm	21/9/1989	Cao đẳng	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	2,48	1,50	0,98	26/4/2016	01/07/2025	9 năm 02 tháng	9 năm 02 tháng		24 năm 02 tháng	229.027.500	168.480.000	50.017.500	10.530.000
27	Tô Thị Thuý Lan	10/8/1991	Cao đẳng	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	2,48	1,50	0,98	01/4/2014	01/07/2025	11 năm 3 tháng	11 năm 3 tháng		26 năm 02 tháng	239.557.500	168.480.000	60.547.500	10.530.000
28	Lữ Thị Hồng Hiệu	28/12/1992	Cao đẳng	Phó Bí Thư Đoàn thanh niên	Phó Chủ tịch UBND TTQVN phường	2,48	1,50	0,98	4/01/2024	01/07/2025	01 năm 6 tháng	01 năm 6 tháng		27 năm 6 tháng	68.971.500	50.544.000	7.897.500	10.530.000
29	Nguyễn Tấn Dũng	11/01/1955		Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,88	1,50	0,38	22/4/2011	01/07/2025	14 năm 02 tháng	14 năm 02 tháng			52.650.000	52.650.000		
30	Bùi Văn Khôi	24/8/1966	Trung cấp	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Phó Chủ tịch UBND TTQVN phường	1,86	1,50	0,36	01/01/2004	01/07/2025	21 năm 6 tháng	21 năm 6 tháng		3 năm 02 tháng	230.431.500	106.704.000	113.197.500	10.530.000

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng))	Trong đó		Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)			
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tỉnh hỗ trợ			Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHĐKC T ở cấp xã	Tổng thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác (nếu có)		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20
31	Võ Văn Lâm	04/12/1988	Trung cấp	Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở	Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở	1,86	1,50	0,36	01/04/2021	01/07/2025	4 năm 3 tháng	4 năm 3 tháng		25 năm 6 tháng	177.430.500	143.208.000	23.692.500	10.530.000
32	Trần Thị Kim Chi	18/3/1982	Đại học	Trường Ban Thanh tra nhân dân xã Phổ Vinh	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	2,34	1,50	0,84	01/03/2013	01/07/2025	12 năm 4 tháng	12 năm 4 tháng		16 năm 9 tháng	244.822.500	168.480.000	65.812.500	10.530.000
33	Nguyễn I Pa	10/01/1988	Đại học	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh phường	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh phường	2,34	1,50	0,84	10/2015	01/07/2025	9 năm 9 tháng	9 năm 9 tháng		24 năm 7 tháng	231.660.000	168.480.000	52.650.000	10.530.000

* Danh sách này có 33 người./.
